

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên; bà Nguyễn Thị Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. (có đơn xin vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn P lấy nhau là tự nguyện, có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Dũng ngày 07/9/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung cùng gia đình anh P. Vợ chồng chung sống hoà thuận từ khi kết hôn đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh P không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc không chăm lo đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Chị và anh P đã nhiều lần hàn gắn vì con cái nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị và anh Phi có 02 con chung là Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021. Hiện nay các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh P tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Dũng ngày 07/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 9/2024 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Sơn Động sống, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ thu thập được:

+ Tại biên bản xác minh ngày 07/11/2024, ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ cung cấp: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh P, năm 2018 gia đình tổ chức cưới cho anh P và chị H theo phong tục tập quán, anh P và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng. Cưới xong anh P, chị H về chung cùng gia đình được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có những bất đồng, chị H có những lời lẽ không đúng mực nên anh P có đánh vợ. Gia đình ông bà nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Sau đó chị H bỏ đi không chăm sóc con cái. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh P và chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021, hiện đang

sống cùng ông bà. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị giao con chung cho anh P và ông bà tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, anh P và chị H không có tài sản gì.

+ Tại biên bản xác minh ngày 07/11/2024, ông Thân Văn P là trưởng thôn T cung cấp: Anh P là công dân thôn T có kết hôn với chị H năm 2018, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì ông không nắm được, tuy nhiên ông có nghe nói do kinh tế công việc không ổn định nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Nay chị H xin ly hôn anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt nên các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ 22/01/2025, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh P vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn P. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021 cho anh Trần Văn P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh P không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung cho chị và anh Trần Văn P

nên cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn P sinh sống và cư trú trên địa bàn xã L, huyện Yên Dũng (nay là phường Tân An, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị H và anh P là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P kết hôn là tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và được Ủy ban nhân dân xã Lão Hộ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/9/2018. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh P là tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Theo chị H vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh P không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc không chăm lo đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Vợ chồng chị nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Sơn Động sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh P. Còn theo anh P xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, hôn nhân giữa chị H và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021. Hiện các con đang sống cùng anh P, các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh P đều đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó để tạo điều kiện

tốt nhất cho hai con chung của chị H và anh P được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị H và anh P ly hôn. Hội đồng xét xử thấy cần giao cả 02 con chung là Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[7] Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn P.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 22/7/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005355 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (Nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND thành phố Bắc Giang.
- CCTHADS huyện Yên Dũng
(nay là CCTHADS TP.Bắc Giang) ;
- UBND xã Lão Hộ (nay là UBND
phường Tân An, TP.Bắc Giang);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy

